

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNL
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST.

Ngày: 08- 5- 2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNL, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Hữu Minh.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnL, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyệnL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân C, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số nhà 3/1 (360 cũ), tổ 13, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Lê Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 3/1 (360 cũ), tổ 13, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Hồng Th, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Số nhà 260/10, tổ 8, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Trần Quốc Th 1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp A, xã B, huyệnL, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, anh T, chị T có mặt; ông Th và anh Th 1, bà Q đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Xuân C trình bày:*

Chị Lê Thị T là con nuôi của ông từ năm 2013 nhưng không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi. Chị T là vợ của anh T. Trước đây vợ chồng anh T đã nhiều lần vay tiền của ông, nhiều nhất là 05 triệu đồng, không lập hợp đồng bằng giấy tờ mà chỉ bằng lời nói và đều đã trả đủ.

Trước ngày 15/10/2017 khoảng mấy hôm, anh T và chị T có đến hỏi mượn ông tiền nhưng hôm đó ông không có tiền. Đến trưa ngày 15/10/2017, anh T có sang nhà ông hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng để mua bò giết mổ. Ông trả lời là không có, anh T nói là “bố xem ai có vay giúp cho con, 04 ngày con trả”, ông nhận lời. Sau đó ông đến nhà ông Trần Hồng Th hỏi vay 10.000.000 đồng, ông Th hỏi ông vay để làm gì thì ông nói là vay cho anh T để mua bò giết mổ bán kiếm lời, 04 ngày ông mang trả. Ông với ông Th hợp đồng bằng lời nói, không tính lãi. Đến khoảng 17 đến 18 giờ chiều, ông gọi anh T sang lấy tiền, anh T nói “Bố tin ở con, đúng 04 ngày con mang sang trả”, tức là ngày 19/10/2017. Khi giao tiền cho anh T thì có vợ ông là bà Nguyễn Thị M và con trai ông là Trần Quốc Th 1 có mặt tại đó, ngoài ra không còn người nào khác. Ông và anh T chỉ hợp đồng bằng lời nói, không tính lãi.

Qua 04 ngày, anh T không trả, ông đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T khất lời, cuối cùng anh T cũng không trả. Đến ngày 15/11/2017, vợ ông có đến gặp vợ chồng anh T để đòi và hai bên đã cãi nhau. Ông đã báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Mặc dù anh T là người nhận tiền vay nhưng việc anh T vay tiền để giết mổ bò bán kiếm lời là để phục vụ trang trải cho gia đình anh T nên chị T cũng phải có trách nhiệm cùng anh T trả nợ cho ông. Nay ông yêu cầu anh T, chị T trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

- *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Khi anh nhận được giấy mời của Ủy ban nhân dân xã B đến hòa giải về việc ông C đòi anh trả 10.000.000 đồng thì anh ngỡ ngàng, vì anh không vay tiền của ông C.

Nếu vay tiền thì phải có giấy tờ. Trước ngày 15/10/2017 vợ chồng anh không đến nhà ông C hỏi vay tiền. Ngày 15/10/2017, anh đi bán rau ngoài chợ đến 18 giờ 30 phút mới về nhà, sau đó anh làm công việc trong gia đình nên chiều ngày 15/10/2017 anh không đến nhà ông C để làm gì cả. Nay ông C yêu cầu vợ chồng anh trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì.

- *Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T trình bày:*

Năm 2013 vợ chồng ông C có nhận chị là con nuôi nhưng không làm thủ tục

nhận nuôi con nuôi và không sống chung nhà. Trước đây vợ chồng chị có vay của bà M 04 chỉ vàng và đã trả hết. Ngoài ra, không vay mượn của vợ chồng ông C khoản nào nữa. Chiều ngày 15/10/2017 cũng như những ngày khác, vợ chồng chị đi bán rau ngoài chợ đến 18 giờ, 18 giờ 30 phút, có khi đến 19 giờ mới về nhà, anh T không đến nhà ông C để làm gì cả nên không có việc anh T đến mượn tiền của ông C. Chị và anh T cũng không nói gì về việc đi mượn tiền của ông C để mua bò giết mổ. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả 10.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Chị không biết ông Trần Hồng Th mà ông C cho rằng ông C mượn tiền của ông Th để cho vợ chồng chị vay là ai.

Tại biên bản lấy lời khai, chị T đề nghị vắng mặt tất cả các buổi tham gia tố tụng trong vụ án này cho đến khi kết thúc vụ án và có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị T có mặt và trình bày bổ sung thêm những nội dung nêu trên.

- Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Trần Hồng Th trình bày:

Ông là bạn của ông Trần Xuân C. Vào trưa 15/10/2017, ông C có đến gặp ông để hỏi ông có tiền không cho ông C mượn và ông đã cho ông C mượn 10.000.000 đồng, không tính lãi. Ông có hỏi và ông C trả lời là mượn cho vợ chồng anh T, chị T là con nuôi của ông C, để mua bò giết mổ. Ông đưa tiền cho ông C tại nhà ông, khi đó không có mặt vợ chồng anh T. Ông không chứng kiến việc ông C đưa tiền cho vợ chồng anh T. Ông đã lớn tuổi nên đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia vụ án nữa.

- Tại bản tự khai, người làm chứng anh Trần Quốc Th 1 trình bày:

Vào ngày 15/10/2017 (ngày chủ nhật) anh T có đến mượn bố anh là ông C 10.000.000 đồng. Bố anh có cho anh T mượn, anh T đếm đủ mười triệu xong còn nói “Bố cứ tin ở con, 4 ngày sau con trả” nhưng đến nay anh T vẫn không chịu trả tiền cho bố anh. Anh không yêu cầu Tòa án triệu tập anh tham gia phiên tòa.

- Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà là hàng xóm của ông C. Bà có biết anh T, chị T có bán thịt heo, thịt bò gần trường tiểu học B. Bà không biết, không chứng kiến việc ông C cho vợ chồng anh T vay mượn tiền. Tuy nhiên, vào ngày 15/11/2017 bà có gặp bà M ra quầy bán hàng của anh T, chị T để đòi tiền để về làm đám giỗ bố của ông C rồi hai bên cãi nhau. Bà không biết bà M đòi tiền gì từ anh T, chị T. Ngoài ra bà không biết gì thêm. Bà không thể đến Tòa án tham gia tố tụng được nên bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà nữa hoặc cho bà vắng mặt tất cả các buổi tham gia tố tụng trong vụ án này cho đến khi kết thúc vụ án và có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnL:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnL phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông C cho rằng vợ chồng anh T nợ ông số tiền 10.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T trả số tiền này cho ông. Xét giữa ông C và anh T, chị T không lập giấy tờ biên nhận gì, ông C cho rằng chỉ cho anh T mượn tiền bằng lời nói nhưng không được phía anh T, chị T thừa nhận. Ông C không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại huyện L, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M. Đối với người làm chứng là ông Trần Hồng Th, anh Trần Quốc Th 1, bà Phạm Thị Q đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và các ông bà đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa, tại phiên tòa ông C, anh T, chị T đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt của những người này. Ông Th, anh Th 1, bà Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, xét sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung: Ông C cho rằng vào ngày 15/10/2017 anh T có vay của ông số tiền là 10.000.000 đồng để mua bò giết mổ kiếm lời phục vụ trang trải cho gia đình anh T nên ông C khởi kiện yêu cầu anh T và chị T trả cho ông số tiền là 10.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C, nhận thấy: Ông C cho rằng vợ chồng anh T nợ ông số tiền là 10.000.000 đồng, giữa ông C và anh T không lập thành văn bản mà chỉ bằng lời nói nhưng không được phía anh T, chị T thừa nhận. Ông C cho rằng khi anh T đến hỏi vay tiền thì ông không có tiền nên ông đã đi mượn tiền của ông Trần Hồng Th để cho anh T vay. Ông Trần Hồng Th khai, ông có cho ông C mượn số tiền 10.000.000 đồng tại nhà của ông Th nhưng khi đó không có mặt vợ chồng anh T và ông không chứng kiến việc ông C đưa tiền cho anh T khi nào, ở đâu. Bà Phạm Thị Q khai không biết và không chứng kiến việc ông C cho vợ chồng anh T vay tiền. Bà Nguyễn Thị M và anh Trần Quốc Th 1 khai là có chứng kiến việc ông C đưa cho anh T số tiền là 10.000.000 đồng tại nhà ông C bà M, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bà M là vợ của ông C, còn anh Th 1 là con ruột của ông C nên lời khai của bà M và anh Th 1 là không khách quan. Ngoài ra, ông C trình bày là không có người làm chứng nào khác hay cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để

chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông. Như vậy, lời khai của ông Th, bà M, anh Th 1, bà Q không phải là căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu anh T, chị T phải trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Mặc dù yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận nhưng ông C là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc Hội và theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng. Anh T, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh Phạm Văn T, chị Lê Thị T về số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Trần Xuân C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005341 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh T, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C, anh T, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.Long Thành;
- TAND T.Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa